



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
LOI#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN LIEM
Last Middle First

Current Address: 86 Nguyễn Đình Chiểu P. I Thị xã Gò Công

Date of Birth: 1/1/1942 Place of Birth: Châu Đức

Previous Occupation (before 1975) Sergeant (Police)
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 10/25/75 To 10/15/87
Years: 6 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Câu hỏi cho người nộp đơn.

Họ
ĐP IV Dinh Quang
Chung trinh HO

Date/ngày 9 11 1989

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can't read to Write in English, fill it out in Vietnamese. Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết bằng Anh ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :
Orderly Departure Program
RMA Pajabum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120-THAILAND.

A. Basic Identification Data/ Lý lịch căn bản

1. Name/ Họ, tên LÊ VĂN LIÊM Sex/phái Nam
2. Other Names/Họ tên khác
3. Date/place of birth/ngày, nơi sinh 01 - 01 - 1942 Thường Phước Châu Đốc
4. Residence Address 86 Nguyễn Đình Chiểu Khóm 3 phường 1 Thị xã Gò Công
Địa chỉ thường trú. Quê Biên Giang South Vietnam
5. Mailing Address nt
Địa chỉ thư từ
6. Current Occupation/Nghề nghiệp hiện tại Làm Viên

B. Relatives to accompany me/ Bà con cùng đi với tôi

(Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you, list marital status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).

(Chú ý : Vợ/Chồng và con cái chưa kết hôn là những người duy nhất có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa chồng (W) hoặc độc thân (S).

Name
Họ tên

Date of Birth: Place of Birth: Sex : MS : Relationship
Ngày/tháng/ : nơi sinh : phái : tình : Liên hệ
: : : : :
: : : : :
: : : : :
: : : : :
: : : : :
: : : : :
: : : : :
: : : : :

Huỳnh Thị Vĩnh	8 - 6 - 1948	Long Hải Gò Công	Nữ	Vợ chồng	V3
Lê Huỳnh Hồng Chiểu	2 - 4 - 1968	Gò Công	Nam	Con	Con
Lê Hồng Chiểu	27 - 7 - 1971	Gò Công	Nam	Con	Con
Lê Huỳnh Thiên Hiền	26 - 10 - 1973	Gò Công	Nam	Con	Con
Lê Phương Thảo	21 - 10 - 1975	Gò Công	Nam	Con	Con
Lê Phương Châu	20 - 6 - 1982	Gò Công	Nam	Con	Con

(Note: For the persons listed above, we will require copies of birth certificate marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed) identification cards (if available) and photo. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below).

C. Relatives Outside Vietnam/ họ hàng ở ngoài quốc

of myself/của tôi : of my spouse/của vợ chồng

1)- Closest Relative in the US

là con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

Huy, Chiến Đông

a. Name/ họ tên - Nguyễn Văn Hoàng

Em Võ Văn Diệt

b. Relationship

Lien họ gia đình

Em Võ

c. Address/Địa chỉ

d. Date of Relatives Arrival in the US

ngày bà con đến Mỹ

1985

1983

2)- Closest relative in other foreign countries

là con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name/ họ tên

b. Relationship

Lien họ gia đình

c. Address /Địa chỉ

3)- Complete Family listing (Living/dead)/Danh sách toàn thể gia đình (sống/ chết).

1. Father/cha

Lê Văn Mịch (chết)

2. Mother/ mẹ

Phạm Thị Hết 82 tuổi

3. Spouse/ vợ chồng

Huy, Chiến Đông

4. Former spouse (if any) vợ chồng trước (nếu có)

Chưa có

5. Children/ con cái

1) Lê Huy Hoàng Chiến 21 tuổi

2) Lê Hoàng Chiến 18 tuổi

3) Lê Huy Hoàng Chiến 16 tuổi

4) Lê Hoàng Chiến 14 tuổi

5) Lê Hoàng Chiến 7 tuổi

6) -

7) -

8) -

9) -

6. Siblings/anh chị em:

1) Lê Thị Thiêm (em ruột) 7 sống

2) Lê Văn Năm (em ruột) 7 sống

3) -

4) -

5) -

6) -

7) -

8) -

9) -

E) - Employment by US Government, Agencies or other US Organization of you or your spouse. Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của CP Mỹ hoặc hãng Mỹ.

1. Employee Name/ Tên họ nhân viên _____
 Position title/chức vụ _____
 Agency/Company/Office _____
 Sở /hãng/ Văn phòng / _____
 Length of employment From/từ _____ To/đến / _____
 Thời gian làm việc _____
 Name of American Supervisor/Tên họ Giám thị Mỹ _____
 Reason for Separation/Lý do nghỉ việc _____
2. Employee Name/Tên họ nhân viên _____
 Position Title/chức vụ _____
 Agency/Company/ Office _____
 Sở/ hãng /văn phòng _____
 Length of Employment From _____ To _____
 Thời gian làm việc _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám thị Mỹ _____
 Reason for Separation/Lý do nghỉ việc _____
3. Employee Name/ Tên họ nhân viên _____
 Position Title/ chức vụ _____
 Agency/ Company/ Office _____
 Sở / hãng /văn phòng _____
 Length of Employment From _____ To _____
 Thời gian làm việc _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám thị Mỹ _____
 Reason for Separation/Lý do nghỉ việc _____

F) Service with GVN or RVNAF by you or your spouse
Bạn hoặc vợ/chồng đã công sự với chính phủ Việt Nam

1. Name of Person Serving
 Họ tên người tham gia LÊ VĂN LIÊM
2. Date /ngày tháng năm From/Từ 01-01-1961 To 30-4-1975
3. Last rank /cấp bậc cuối cùng Serial Number Số thẻ M.vi
Trung sĩ I Cảnh sát đặc biệt FDB BCH CSQG Bình giả lòng
4. Ministry/Office/Military Unit
 Bộ/Sở/Đơn vị/Binh chủng Cảnh sát đặc biệt
5. Name of supervisor/O.O
 Họ tên người giám thị/sĩ quan chỉ huy Đại úy Nguyễn Phước Cường
6. Reason for separation/ Lý do nghỉ việc Không
7. Name of American Advisor (S) /Họ tên cố vấn Mỹ KEN BAR
8. US Training courses in Vietnam/Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt Nam _____

- Khóa 23 Tỉnh báo căn bản 1968
- Khóa 4 Thâm Văn chính trị 1969
- Khóa 2 CO Căn bộ thiếu K-hiến 1970
- Khóa 4 Cảnh sát căn bản 1964
- Khóa 2 Hạ sĩ quan Cảnh sát 1969

9. US Awards or Certificates

Name of award/ Phần thưởng

Hoặc giấy khen - 6 bằng (chất lượng)

Date received

Ngày nhận

(Note: Please attach any copies of diplomas awards or certificates, if available, availables Yes No) (Chú ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen hoặc chứng thư nếu có, đương sự có không. Có C không)

C. Training Outside Vietnam of you or your spouse

Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoài quốc

1. Name of Student/Trainee

Họ tên sinh viên/người được huấn luyện.

2. School and school address/

Trường và địa chỉ trường

3. Date/Ngày tháng năm

to

4. Description of courses/

Mô tả ngành học

5. Who paid for training/

Ai đài thọ chương trình huấn luyện

(Note: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available

Yes No) (Chú ý: Xin bạn kèm theo văn bằng hoặc chỉ thị nếu có.

Bạn có hay không? Có , không)

6. Re-education of you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

1. Name of Person in reeducation

Họ tên người đi học tập cải tạo.

LÊ VĂN TIÊM

2. Time in reeducation/ Thời gian học tập từ

25-10-1975 to 30-09-19813. Still in reeducation/vẫn còn học tập cải tạo? Yes No

(If released, we must have a copy of your release certificate/

Nếu được thả, chúng tôi cần 1 bản sao giấy ra trại).

1) - any additional remarks/ Gặp chú phụ thuộc

Giấy ra trại Cải tạo số 66 QĐ ngày 18-8-1981 của Bộ Nội Vụ

Signature/Họ tên Trần Văn Thanh như ý Date/ngày/ 25-9-1981

J. Please list here all documents attached to this questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này.

Đính kèm

1. Bđ Vụ lệnh

1 - Giấy ra trại Cải tạo

1 - Bản sao Câu Cười

1 - Hôn thú

7 - Khai Sanh. (Chứng sù, Vợ và con lớn)

7 - Ảnh ảnh 4 x 6 (Chứng sù Vợ và con lớn)

1 - Bản Sao biên nhận hoàn tất hồ sơ xin đi Xuất

Cảnh phòng Ngoại Vụ số 1 Công an Cảnh sát

South Vietnam.

TX QĐ Bđ ngày 2/11/81

Trần Văn Thanh
Lê Văn Tiêm

Thị xã Gò Công ngày 15/11/1989.

Kính thưa bà !

Đầu thư tôi và gia đình đông kính chúc bà cùng gia quyến
tức dồi dào sức khỏe.

Thưa bà, tôi biết bà là vị ân nhân, đó đây cho những
tư binh ở Việt Nam. Việc làm đầy lòng nhân đạo và cao cả ấy
làm cho nhân dân cả nước đều ca ngợi.

Để từ khi giữa Mỹ và VN có một hiệp ước mới về việc cho
những công tác viên cũ của Mỹ học tập cải tạo từ 5 năm trở lên
được định cư sang Mỹ (gọi tắt là diện HO). Tôi và gia đình
đã đồng quyết định làm thủ tục xin xuất cảnh theo diện này.
Trước mặt tư lo cho 5 đứa con trai tôi tiếp tục việc học hành
còn tang đồ đang và đây cũng là điều kiện giúp chúng có được
một tương lai sáng lang hơn.

Hồ sơ ở phía VN tôi đã hoàn tất, chính phủ VN đã đồng ý cho
gia đình tôi xuất cảnh. Hiện nay chỉ còn chờ về phía Mỹ cho
nhập cảnh mà thôi.

Vì vậy, tôi mạo muội viết thư này gửi đến bà, cầu mong được bà
giúp đỡ về bà, giúp cho gia đình tôi sớm được định cư
sang Mỹ.

Một lần nữa, gia đình tôi vô cùng mong mỏi bà biết cố gắng
bà và con thiếp của bà đối với chính phủ Hoa Kỳ, sớm cứu
vớt để tôi và gia đình hoàn thành thủ tục nhanh chóng.

Tôi và gia đình xin gửi đến Bà những lời tri ân sâu xa
nhất.

Thị xã Gò Công ngày 14.11.1989.
Kính

Thư

LÊ VĂN LIÊM

Ư - VŨ - LÊN H

44

Ngày thứ 5) Họ-Dĩ-quan có tên dưới đây giữ-cáo

Phu-Tá Đặc Biệt,

200

GIẤY CHỨNG THỰC VỀ ĐỊA PHƯƠNG

Căn cứ quyết định số: 6/100 ngày 18 tháng 8 năm 1981
của: Bộ Nội Vụ, nay giải thích:

- Họ và tên: *Servant Siam* Bề danh:
- Ngày và nơi sinh: *1/12/1942. Pháo đài.*
- Quê quán: *Pháo đài.*
- Nơi ở của gia đình hiện nay: *gò công. Bình Giang.*
- Nghề nghiệp, chức vụ cũ: *Thầy dạy. Pháo đài 1974.*
- Di tản khỏi Việt Nam ngày *30* tháng *4* năm *1975* và trở về được bắt học pháp bằng tàu thương tin 1 ngày *25/10/1975.*

Sau thời gian gian giữ để xác minh và học tập cải tạo,
nay được phép về cư trú cùng gia đình tại: *ở phường 15.*

thị trấn gò công. Bình Giang.

Trước khi về địa phương, đương sự được cấp giấy chứng nhận
nhận căn cước và được trả lại tờ trạng hành lý số:

Được trả tiền và thu mua vàng ngoài tỷ lệ:

Đồng NHUN và được cấp một giấy hoàn tiền trực tiếp
lệ:

Đề vật còn lại để tiếp tục xem xét, khi nào trả lại hết
thông báo sau gởi:

Để nghị chính quyền địa phương tạo điều kiện giúp đỡ
cho đương sự trong việc tìm kiếm công ăn việc làm và tiếp tục
giao tiếp tốt.

Khi về địa phương, đương sự phải xuất trình giấy tờ này
cho chính quyền địa phương để được sự giúp đỡ, đồng thời phải
nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương, đường lối, chính sách
và nội quy của chính quyền cách mạng.

Giấy này có giá trị đến ngày *15* tháng *10* năm *1981*

Nơi nhận
của chính quyền địa phương

Xuân Phước, ngày *15* tháng *9/1981*
GIAM THE TAI SAI TAO

- 0 * 0 -

Đã có đơn trình báo
tại đồn công an xã Pháo đài.

Ngày *08/10/1981.*

Th. Đồn công an xã.

Đồn:

Pháo đài

Số *3082* /1118. PC

SAO Y SAI CHANH

Ngày *06* tháng *11* năm *1989*

TM. UBND PHƯỜNG 1

P. CHU TH



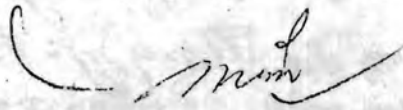
Pháo đài

Kính thưa.

Là m^h Lũm SN: 1968
có đến tước g^h pháp tại
đ^h CSND. Công An CA

Kính gửi ngày 10/10.

tr^h b



nguyên v. Lũm

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số **D0408850**



Tên

LÊ-VĂN-LIỆT

Ngày, nơi sinh

01-01-1942

THƯỜNG-PHƯỚC (KIÊN-PHONG)

LÊ-VĂN-HÌNH

BỘT-THỊ-BỘT

Cơ sở **VĨ-THÀNH (CHƯƠNG-THIỆN)**

Dấu vết riêng:

Nốt ruồi quanh mũi trái.

Chữ ký đương sự:

Ch. Thiện, ngày 22-01-1969
TRƯỞNG TY CẢNH-SÁT QU.

Trung-Úy VŨ-VĂN-CHƯƠNG

Cao: 1 th 67

Nặng: 52 Kg

Ngón

Ngón trái

NAM-PHÂN

TỈNH GÒC CÔNG

QUẬN : HÒA-LẠC

XÃ : LONG-THUẬN

Số hiệu : 6

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH-LỤC BỘ HÔN-THU NĂM 1970 BỰC

Tên họ người chồng	Lê-văn-Liêm
Sinh ngày nào	I tháng I năm 1942
Sinh tại chỗ nào	Thường-Phước Châu-Độc
Tên họ cha chồng	Lê-văn-Vinh -sống-
Tên họ mẹ chồng	Bùi-thị-Rớt (sống)
Tên họ người vợ	Huỳnh-thị-Vượng
Vợ chánh hay thứ	//
Sinh ngày nào	8 tháng 6 năm 1948
Sinh tại chỗ nào	Long-Hựu Gò Công
Tên họ cha vợ	Huỳnh-văn-Vân tự Tân (sống)
Tên họ mẹ vợ	Phạm-thị-Ngọc (sống)
Ngày kết hôn	Mười chín tháng giêng năm một ngàn chín trăm bảy mươi

Chứng thật chữ ký bên đây

là của UBHC Xã Long-Thuận

Gò Công, ngày tháng năm 196

TL. TỈNH-TRƯỞNG,

Trưởng-Ty Hành-Chánh

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH :

Long-Thuận, ngày 3 tháng 8 năm 1970

CHỖ-VIÊN-HỘ-TỊCH

Viên Hộ-Tịch

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Phường 1
Huyện, Quận Thị xã Gò Công
Tỉnh, Thành phố Tiền Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số 285
Quyển số 02/89



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ VĂN LIÊM Nam hay nữ nam
Ngày, tháng, năm sinh ngày một, tháng giêng, năm một ngàn chín trăm bốn mươi hai (01-01-1942)
Nơi sinh Thường Phước, Châu Đốc, An Giang
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>BUI THI RƠI</u>	<u>LÊ VĂN MINH</u>
Tuổi	<u>1907</u>	<u>1905</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú	<u>Xã Long Khánh, Hồng Ngự, Đồng Tháp</u>	<u>Xã Long Khánh, Hồng Ngự, Đồng Tháp (chết)</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

LÊ VĂN LIÊM, 1942, 310647599

86 Nguyễn Đình Chiểu, Thôn 3, Phường 1, Thị xã Gò Công, Tiền Giang

Đăng ký ngày 06 tháng 11 năm 1989

Người đứng khai

(Chữ)

TM ỦY BAN NHÂN DÂN

Chữ

(Chữ)

Nguyễn Thị Thu Hà

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 1989

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

ký



Lý Hồng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường. Phường 1

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số. 284
Quyền số. 02/89

Huyện, Quận. Thị xã Gò Công

Tỉnh, Thành phố. Tiền Giang



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên HUYỀN THỊ YUÁ Nam hay nữ nữ
Ngày, tháng, năm sinh ngày chín, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm bốn mươi tám (08-06-1948)
Nơi sinh Long Thủy, Gò Công Tây, Tiền Giang
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>PHAN THỊ NGỌC</u>	<u>HUYỀN VĂN VÂN</u>
Tuổi	<u>1908</u>	<u>1908</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú	<u>86 Nguyễn Đình Chiểu, Khóm 3, Phường 1, TX Gò Công, Tiền Giang</u>	<u>Long Thủy, Gò Công Tây, Tiền Giang (Chết)</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

HUYỀN THỊ YUÁ, 1948, 310062033

86 Nguyễn Đình Chiểu, Khóm 3, Phường 1, Thị xã Gò Công, Tiền Giang

Đăng ký ngày 06 tháng 11 năm 19 89
T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

(K)

Chú Bết
(Chết)

Mười lăm, Thụ Hạ

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 1989



Lý Hồng Sơn

5/89 QĐ 261/QĐ - HT

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường. Phường 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số. 261
Quyển số. 02/89

Huyện, Quận. Thị xã Gò Công
Tỉnh, Thành phố. Tiền Giang



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ HUỠNH HỒNG CHUÔNG Nam hay nữ nam
Ngày, tháng, năm sinh ngày hai, tháng tư, năm một ngàn chín trăm
sau mươi tám (02-04-1968)
Nơi sinh Bảo Sơn Viên Gò Công, Tiền Giang
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>HUỠNH THỊ NỮA</u>	<u>LÊ VĂN LIÊM</u>
Tuổi	<u>1948</u>	<u>1942</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Y tá Học Đường</u>	<u>Làm Vườn</u>
Nơi thường trú	<u>Thôn 3, Phường 1, Thị xã</u> <u>Gò Công, tỉnh Tiền Giang</u>	<u>Xã Long Khánh, huyện Hồng Ngự,</u> <u>tỉnh Đồng Tháp.</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

HUỠNH THỊ NỮA, 1948

310062033

Đăng ký ngày 19 tháng 10 năm 1989

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

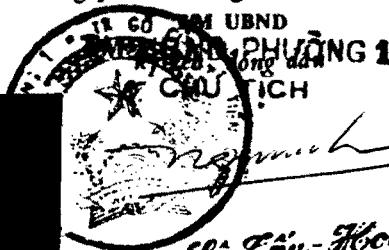
(Ký)

Chu Đức
(Chữ ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 20 tháng 10 năm 1989



Lê Văn Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường Phường 1
Huyện, Quận Thị xã Gò Công
Tỉnh, Thành phố Tiền Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT

Số 059

Quyển 01/89



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ HỒNG THIÊN Nam hay nữ nam
Ngày, tháng, năm sinh ngày hai mươi bảy, tháng bảy, năm một chín
bảy một (27-07-1971)
Nơi sinh Bản Sánh Gò Công, Tiền Giang
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>HUYỀN THỊ VỊA</u>	<u>LÊ VĂN HIỂM</u>
Tuổi	<u>1948</u>	<u>1942</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Y tá học đường</u>	<u>Làm việc</u>
Nơi thường trú	<u>Thôn 3, Phường 1, thị xã Gò Công, Tiền Giang</u>	<u>Xã Long Thới, huyện Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

HUYỀN THỊ VỊA, 1948, 86 Nguyễn Đình Chiểu
310062033

Người đứng khai
(Ký)

Đăng ký ngày 27 tháng 03 năm 1989

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

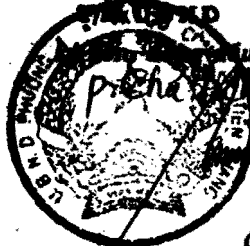
Chủ tịch

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 03 năm 1989



Lý Hồng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Phường I
Huyện, Quận Thị xã Gò Công
Tỉnh, Thành phố Tiền Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số 235
Quyển số 02/89



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ HUỖNH THIÊN HIẾU Nam hay nữ nam
Ngày, tháng, năm sinh ngày hai mươi sáu, tháng mười, năm một ngàn chín
trăm bảy mươi ba (26-10-1973)
Nơi sinh Đảo Sanh Viên Gò Công, Tiền Giang
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>HUỖNH THỊ YUẢ</u>	<u>LÊ VĂN LIÊM</u>
Tuổi	<u>1948</u>	<u>1942</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Y tá Học Đường</u>	<u>Làm Vườn</u>
Nơi thường trú	<u>Khóm 3, Phường I, Thị xã</u> <u>Gò Công, Tiền Giang</u>	<u>Xã Long Khánh, huyện Hồng Ngự,</u> <u>Đồng Tháp</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

HUỖNH THỊ YUẢ, 1948

86 Nguyễn Đình Chiểu, Khóm 3 - 310062033

Đăng ký ngày 21 tháng 09 năm 19 89

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

(Ký)

Chủ tịch

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

81 3052 / UBND P.2
CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 03 tháng 11 năm 1989

T/M UBND PHƯỜNG 1

ĐẠI TỊCH



Lê Văn H. Cảnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Phường 1

Huyện, Quận Thị xã Gò Công

Tỉnh, Thành phố Tiền Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số 236
Quyển số 02/89



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO) 2

Họ và tên LÊ PHUÔNG THAO Nam hay nữ nam
Ngày, tháng, năm sinh ngày hai mươi mốt, tháng mười, năm một ngàn
chín trăm bảy mươi lăm (21-10-1975)
Nơi sinh Bảo Sơn Việt Gò Công, Tiền Giang
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>HUỲNH THỊ VĨA</u>	<u>LÊ VĂN LIÊM</u>
Tuổi	<u>1948</u>	<u>1942</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Y tá thị trấn</u>	<u>Làm vườn</u>
Nơi thường trú	<u>Khóm 3, Phường 1, Thị xã</u> <u>Gò Công, Tiền Giang</u>	<u>Xã Long Bình, huyện Hồng Ngự</u> <u>Đồng Tháp</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

HUỲNH THỊ VĨA, 1948

86 Nguyễn Đình Chiểu, Khóm 3 - 310062033

Đăng ký ngày 21 tháng 09 năm 1989

TAM ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

(Ký)

Chữ (Ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

81 3053 / UBND B
CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 03 tháng 11 năm 1989

TRƯỞNG ND. PHƯỜNG 1

Ký tên, đóng dấu TỊCH



Lê Văn Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường... TT Gò Công
Huyện, Quận... Gò Công Đông
Tỉnh, Thành phố... Tiền Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số... 489 HT
Quyền số... 01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên... LÊ PHUỞNG CHÂU Nam hay nữ... nam
Ngày, tháng, năm sinh... ngày hai mươi, tháng sáu, năm một ngàn chín
trăm tám mươi hai (20-06-1982)
Nơi sinh... Bảo Sơn Huyện Gò Công Đông
Dân tộc... Kinh Quốc tịch... Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>HUỲNH THỊ YUẢ</u>	<u>LÊ VĂN LIÊM</u>
Tuổi	<u>1948</u>	<u>1942</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Y tá</u>	
Nơi thường trú	<u>Khóm 5, Khu 2, Thị trấn Gò Công</u>	<u>Khóm 5, Khu 2, Thị trấn Gò Công</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

HUỲNH THỊ YUẢ, sinh 1948

Khóm 5, Khu 2, Thị trấn Gò Công Đông

Đăng ký ngày 30 tháng 08 năm 1982

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TT. Gò Công

Người đứng khai

Phó Chủ tịch

(đã ký)

Lê Đình Vĩnh

Số 3054 /UBND P2
CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 03 tháng 11 năm 1989

TM. UBND PHUỞNG 1

Phó Chủ tịch

Lê Văn Hoàng

BỘ NỘI VỤ
CÔNG AN TIỀN GIANG

Số: 3650/XNC

○

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BIÊN LAI THU TIỀN THỦ TỤC PHÍ

Số _____

- Nhận của Ông, bà: Lê Văn Liên Năm sinh: 1942
— Chỗ ở: 86 Nguyễn Đình Chiểu phường 9
TX. Gò Công
— Số tiền thủ tục phí lần: 1 (một triệu đồng)
40.000 đ
— Viết bằng chữ: (bốn triệu đồng)

Tiền Giang, ngày 13 tháng 11 năm 19 84

Người nộp tiền

Ulle

Người nhận

Uthoo
Trần V. Dũng

Thủ trưởng đơn vị

Thư

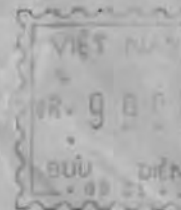
FROM: LÊ VĂN LIÊM

86 Nguyễn Đình Chiểu Khóm 3 Phường I

Thị xã Gò Công - Tỉnh Tiền Giang

South Vietnam

MÂY BAY
AVION



DEC 07 1989

TO: KHUẾ MINH THƠ

Chairman for the Vietnam Family Polio
Prisoners Association (VFPPA)

P.O. Box 5435 ARLINGTON VA 22205-

Telephone (703-560-0058)

USA





CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form 12/11/89
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter